Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7804.11

Mã HS	7804.11
Mô tả hàng hóa	Chì ở dạng tấm, lá, dải và lá mỏng; bột và vảy chì / - Chì ở dạng tấm, lá, dải và lá mỏng: / - - Lá, dải và lá mỏng có chiều dày (trừ phần bồi) không quá 0,2 mm:
Đơn vị	
Thời điểm tạo	04/11/2026 21:30:49
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/780411/

2 dòng thuế thuộc 7804.11

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
7804.11.10	Chì ở dạng tấm, lá, dải và lá mỏng; bột và vảy chì / - Chì ở dạng tấm, lá, dải và lá mỏng: / - - Lá, dải và lá mỏng có chiều dày (trừ phần bồi) không quá 0,2 mm: / - - - Chiều dày không quá 0,15 mm	kg	5%	0%	10 / 8 (nhiều mức)
7804.11.90	Chì ở dạng tấm, lá, dải và lá mỏng; bột và vảy chì / - Chì ở dạng tấm, lá, dải và lá mỏng: / - - Lá, dải và lá mỏng có chiều dày (trừ phần bồi) không quá 0,2 mm: / - - - Loại khác	kg	5%	0%	10 / 8 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.